

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHAN VĂN TRỊ

Biểu mẫu 06
Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28
tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2019 – 2020

Số TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	785	131	183	146	144	181
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	785	131	183	146	144	181
III	Số học sinh chia theo năng lực,						
1	Tự phục vụ, tự quản	785	131	183	146	144	181
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	727	211	166	126	136	178
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	58	10	17	20	8	3
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
2	Hợp tác	785	131	183	146	144	181
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	710	126	154	129	125	176
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	075	5	29	17	19	5
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
3	Tự học và tự giải quyết vấn đề	785	131	183	146	144	181
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	667	124	147	116	104	179
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	118	7	36	30	40	8
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo phẩm chất.						
1	Chăm học chăm làm	785	131	183	146	144	181
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	692	125	163	116	113	175
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	93	6	20	30	31	6
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
2	Tự tin, trách nhiệm	785	131	183	146	144	181
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	717	125	161	125	128	178
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	68	6	22	21	16	3
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
3	Trung thực, kỷ luật	785	131	183	146	144	181

a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	752	130	180	128	136	178
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	33	1	3	18	8	3
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
4	Đoàn kết, yêu thương	785	131	183	146	144	181
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	759	131	180	128	142	178
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	26	0	3	18	2	3
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
V	Số học sinh chia theo kết quả học tập.						
1	Tiếng Việt	785	131	183	146	144	181
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	548	118	135	97	54	144
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	228	11	45	48	87	37
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	9	2	3	1	3	0
2	Toán	785	131	183	146	144	181
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	551	113	91	77	67	148
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	227	17	79	68	73	33
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	7	1	1	1	4	0
3	Khoa học (Khối 4-5)	325	0	0	0	144	181
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	286	0	0	0	115	171
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	39	0	0	0	29	10
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
4	Lịch sử và Địa lí (Khối 4-5)	325	0	0	0	144	181
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	258	0	0	0	104	154
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	67	0	0	0	40	27
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0

5	Tiếng nước ngoài (Anh văn)	785	131	183	146	144	181
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	535	107	134	74	87	133
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	250	24	49	72	57	48
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
6	Đạo đức	785	131	183	146	144	181
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	711	126	169	127	122	167
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	74	5	14	19	22	14
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
7	Tự nhiên và Xã hội (Khối 1-2-3)	460	131	183	146	0	0
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	407	122	161	124	0	0
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	53	9	22	22	0	0
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
8	Âm nhạc	785	131	183	146	144	181
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	504	80	139	97	77	111
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	281	51	44	49	67	70
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
9	Mĩ thuật	785	131	183	146	144	181
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	646	111	151	126	111	147
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	139	20	32	20	33	34
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
10	Thủ công (Kỹ thuật)	785	131	183	146	144	181
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	625	111	149	97	105	163
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	160	20	34	49	39	18
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0

11	Thể dục	785	131	183	146	144	181
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	723	119	162	117	144	181
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	62	12	21	29	0	0
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
12	Tin học	785	131	183	146	144	181
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	557	97	70	101	90	439
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	228	34	21	45	54	42
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
VI	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)						181
a	Trong đó: Học sinh được khen thưởng cấp trường.(tỷ lệ so với tổng số)	326	57	101	47	36	85
b	Học sinh được cấp trên khen thưởng.(tỷ lệ so với tổng số)	15					15
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)						

Quận 1, ngày 31 tháng 7 năm 2020
Thủ trưởng đơn vị
(Đã kí)

Nguyễn Thị Hồng Yến